

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 27/TCHQ-GSQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH
CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

**Về việc ban hành quy chế hải quan đối với
hàng hoá xuất nhập khẩu qua địa điểm thông quan nội địa**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Pháp lệnh hải quan ngày 20/2/1996.

Căn cứ Nghị định 16/CP ngày 7/3/1994 của Chính phủ về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan.

Để đảm bảo chức năng quản lý Nhà nước về Hải quan, đồng thời góp phần khuyến khích và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu.

Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục giám sát, quản lý về Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua Địa điểm thông quan nội địa (Inland Clearance Depot - I.C.D).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục Hải quan, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và các Doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

**HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU QUAN ĐỊA ĐIỂM THÔNG
QUAN NỘI ĐỊA (INLAND CLEARANCE DEPOT - I.C.D)**

*(Ban hành theo Quyết định số 27/TCHQ-QSQL ngày 08 tháng 4 năm 1996
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Địa điểm thông quan nội địa (Inland Clearance Depot - I. C.D) trong Quy chế này là một địa điểm nằm sâu trong đất liền mà các công ty vận chuyển hàng hoá bằng đường biển cấp phát vận đơn của mình cho hàng hoá nhập khẩu được chuyên chở tới đó hoặc những hàng hoá xuất khẩu từ đó đi. Địa điểm thông quan nội địa đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của hải quan, được Hải quan và các cơ quan có liên quan khác làm các thủ tục cần thiết để đưa vào nội địa sử dụng, tạm lưu kho hoặc xuất khẩu thẳng.

Điều 2: Địa điểm thông quan nội địa và tất cả phương tiện vận tải, vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu, tất cả hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu ra vào hoặc lưu giữ tại Địa điểm thông quan nội địa phải chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý Nhà nước về Hải quan.

Điều 3: Các thuật ngữ chung trong Quy chế này:

3.1- Hải quan Địa điểm thông quan nội địa (dưới đây gọi tắt là Hải quan I.C.D) là đơn vị hải quan cấp Cửa khẩu, có văn phòng làm việc thường trực tại I.C.D, có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các đối tượng ghi ở Điều 2 Quy chế này; làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại I.C.D, và giám sát vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu giữa I.C.D và Cửa khẩu.

3.2- Hải quan Cảng Cửa khẩu là Hải quan tại các Cảng, nơi hàng nhập khẩu được dỡ từ tàu để chuyển về làm thủ tục tại I.C.D hoặc tiếp nhận việc giám sát hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan tại I. C.D cho đến khi hàng thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

3.3- Người khai thác là Doanh nghiệp có I.C.D được Tổng cục hải quan quyết định cho hoạt động.

3.4- người vận tải là các hãng tàu Việt Nam và các hãng giao nhận vận tải đã cấp vận đơn có ghi Cảng đích (Final Destination) là I. C.D hoặc cấp vận đơn suốt cho hàng xuất thẳng từ I.C.D.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐỊA ĐIỂM THÔNG QUAN NỘI ĐỊA

Điều 4: Để được xét cấp giấy phép cho Địa điểm thông quan nội địa hoạt động, các Doanh nghiệp cần có các điều kiện sau:

4.1- Là Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, có chức năng kinh doanh kho bãi, giao nhận, vận tải, đại lý tàu biển.

4.2- Được Nhà nước cho phép sử dụng mặt bằng kho bãi cần thiết.

4.3- Kho bãi phải được ngăn cách với khu vực xung quanh bởi tường rào chắc chắn, có đủ trang thiết bị xếp dỡ, trang thiết bị kỹ thuật đảm bảo an toàn cho người và hàng hoá, phương tiện vận tải.

4.4- Có văn phòng làm việc của Hải quan và dây chuyền thủ tục Hải quan với đầy đủ phương tiện.

4.5- Có phương tiện thông tin liên lạc thuận tiện với trong và ngoài nước.

Điều 5: Thủ tục xin phép công nhận Địa điểm thông quan nội địa:

5.1- Doanh nghiệp làm đơn xin phép công nhận Địa điểm thông quan nội địa gửi Tổng cục hải quan.

5.2- Kèm theo đơn xin phép công nhận Địa điểm thông quan nội địa phải nộp:

- Quyết định thành lập Doanh nghiệp (Bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao công chứng).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng kho bãi (Kèm theo Sơ đồ kho, bãi)
- Luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Điều 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ đơn và giấy tờ như quy định tại điều 5 của Quy chế này, Tổng cục Hải quan sẽ tiến hành các thủ tục xét duyệt hồ sơ, kiểm tra thực tế kho bãi và nếu đủ điều kiện sẽ ra quyết định công nhận Địa điểm thông quan nội địa. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì Tổng cục Hải quan sẽ trả lời bằng văn bản cho Doanh nghiệp biết.

CHƯƠNG III

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ

XUẤT, NHẬP KHẨU QUA ĐỊA ĐIỂM THÔNG QUAN NỘI ĐỊA

Điều 7:

7.1- Chỉ những hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đủ điều kiện sau đây được làm thủ tục qua I.C.D:

7.1.1. Hàng hoá nhập khẩu, trên vận tải đơn có ghi Cảng đích (Final Destination) hoặc nơi giao hàng (Place of Delivery) là I.C.D hoặc bãi Containers (Containers Yard - C.Y).

7.1.2. Hàng hoá xuất khẩu quy định nơi nhận hàng (Place of Receipt) là I.C.D/C.Y và nơi xếp hàng lên tàu là Cảng Cửa khẩu (Port of Loading). Các địa điểm này phải được thể hiện trên Hợp đồng.

7.1.3. Hàng hoá chứa trong Containers (bao gồm cả các kiện hàng lẻ nhập khẩu đến Cửa khẩu được xếp vào Containers để chuyển về I.C.D)

7.2- Hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan tại Địa điểm kiểm tra ngoài khu vực Cửa khẩu, nếu có quy định như tại điểm 7.1.2, được đưa vào I.C.D xếp vào Containers để xuất khẩu.

Điều 8: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu làm thủ tục tại I.C.D như quy định đối với hàng hoá xuất nhập khẩu làm thủ tục Hải quan tại Cửa khẩu hoặc Hải quan tỉnh, thành phố.

Điều 9: Quy định trách nhiệm các bên đối với hàng xuất khẩu:

9.1- Trách nhiệm của hải quan Địa điểm thông quan nội địa đối với hàng hoá xuất khẩu:

9.1.1. Làm thủ tục xuất khẩu cho từng lô hàng như quy định về thủ tục Hải quan đối với hàng xuất khẩu.

9.1.2. Giám sát việc đóng hàng vào Containers hoặc đưa vào kho chờ xếp vào Containers.

9.1.3. Niêm phong Containers đã xếp hàng xuất khẩu, các kiện hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục Hải quan đưa vào kho chờ xếp vào Containers và kho chứa hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục Hải quan.

9.1.4. Lập Biên bản bàn giao (3 bản, theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này) Containers đã xếp hàng xuất khẩu, đã niêm phong Hải quan cho Người khai thác.

9.2- Trách nhiệm của Hải quan Cửa khẩu xuất:

9.2.1. Tiếp nhận Containers hàng xuất khẩu và Biên bản bàn giao được chuyển từ Hải quan I.C.D tới, thông qua Người khai thác.

9.2.2. Kiểm tra niêm phong Hải quan và đối chiếu với Biên bản bàn giao. Nếu Containers vỡ hỏng hoặc niêm phong không còn nguyên vẹn thì lập biên bản về việc đó, yêu cầu Người vận